

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ang, ăng, âng*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ang, ăng, âng*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *ang, ăng, âng*; viết đúng các tiếng, từ ngữ chứa vần các này.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *ang, ăng, âng* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói theo chủ điểm về thiên nhiên (mặt trăng và mặt trời).
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật thiên nhiên (ánh trăng, mặt trăng và mặt trời) và tranh vẽ hoạt động của loài vật (được nhân hoá).

II CHUẨN BỊ

Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo và cách viết các vần *ang, ăng, âng*; hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này như *rặng tre*: nhiều bụi tre kế tiếp nhau thành hàng, thành lũy; *lấp ló*: khi ẩn khi hiện liên tiếp; *măng tre*: mầm non của cây tre mới mọc từ gốc, có thể ăn được; *nắng chang chang*: nắng gay gắt trên một khoảng rộng.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước *ach, êch, ich* và tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 - 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Vặng trăng sáng/ lấp ló/ sau rặng tre.*
- GV giới thiệu các vần *ang, ăng, âng*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- So sánh các vần
 - + GV giới thiệu vần *ang, ăng, âng*.
 - + Một số (2 - 3) HS so sánh các vần này để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
 - + GV đánh vần mẫu các vần *ang, ăng, âng*.
 - + Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
 - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
 - + Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
 - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *ang*.
 - + HS tháo chữ *a*, ghép *ă* vào để tạo thành *ăng*.
 - + HS tháo chữ *ã*, ghép *â* vào để tạo thành *âng*.
- Lớp đọc đồng thanh *ang, ăng, âng* một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng *sáng*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *sáng*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *sáng* (*sờ – ang – sang – sắc – sáng*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *sáng*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *sáng*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *sáng*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
 - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt. Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *ang, ăng* hoặc *âng*.
 - + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *cá vàng, măng tre, nhà táng*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *cá vàng*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *cá vàng* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ang* trong *cá vàng*, phân tích và đánh vần tiếng *vàng*, đọc trơn từ ngữ *cá vàng*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *măng tre, nhà táng*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *ang, ăng, âng*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *ang, ăng, âng*.
- HS viết vào bảng con: *ang, ăng, âng; vàng, măng, táng*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *ang, ăng, âng*; từ ngữ *măng tre, nhà táng*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc bài thơ

- GV đọc mẫu cả bài.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ang, ăng, âng*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ang, ăng, âng* trong bài thơ một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong bài thơ. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả bài.
- HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc:
 - + Bài thơ nói về nhân vật nào? đang làm gì?
 - + Thời tiết được miêu tả như thế nào?
 - + Khi đi học, mèo con mang theo cái gì?

7. Nói theo tranh

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS và nói về mặt trăng và mặt trời (*Tranh nào vẽ mặt trăng, tranh nào vẽ mặt trời? Mặt trời xuất hiện khi nào? Mặt trăng xuất hiện khi nào?*).
- GV có thể cho HS trao đổi thêm về cảm nhận của các em đối với mặt trăng và mặt trời.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ có chứa các vần *ang, ăng, âng* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp tại nhà.